

Số: *4169* /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4637/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất của hệ thống Kiểm lâm Thanh Hóa giai đoạn từ năm 2010 - 2013; số 4127/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống Kiểm lâm Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5781/SXD-QLN ngày 18/10/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân với những nội dung sau:

1. **Tên công trình:** Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân.

2. **Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

3. **Chủ đầu tư:** Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.

4. **Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình

5.1. *Hạng mục:* Cải tạo nhà làm việc 02 tầng

a) *Quy mô hiện trạng trạng công trình:*

- Công trình quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng $187,6m^2$, diện tích sàn xây dựng $338,3m^2$. Tổng chiều cao công trình là 10,5m, trong đó: Chiều cao tầng 01 là 3,9m; chiều cao tầng 02 là 3,6m; chiều cao mái là 2,7m; cos nền tầng 01 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,3m.

- Mặt bằng bố trí 01 phòng Pháp chế, 01 phòng Tiếp dân, 01 phòng Hội trường, 01 phòng làm việc. Mặt bằng tầng 02 bố trí 01 phòng Hạt trưởng, 04 phòng làm việc. Giao thông đứng bằng 01 cầu thang bộ, giao thông ngang nhà bằng hành lang phía trước nhà rộng 1,8m.

- Tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng. Tường trong, ngoài nhà quét vôi ve, riêng tường phòng vệ sinh và phòng tắm ốp gạch kích thước $200 \times 250mm$; nền lát gạch xi măng, riêng phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước $250 \times 250mm$. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ khuôn đơn. Mái xây tường thu hồi đỡ xà gỗ lợp mái Pro ximăng.

b) *Chất lượng hiện trạng công trình:* Nền và sàn nhà lát gạch hoa đã cũ; lan can con tiện hành lang và cầu thang hư hỏng nhiều; mặt tường trong và ngoài nhà quét vôi ve đã bạc; hệ thống điện đã xuống cấp không đảm bảo tiếp tục sử dụng; Phần mái chống nóng bằng mái Pro ximăng đã xuống cấp; phần cửa đi và cửa sổ đã cũ và bạc màu; khu vệ sinh chung và vệ sinh Hạt trưởng đã hư hỏng nặng.

c) *Giải pháp cải tạo:*

- Lát lại toàn bộ nhà bằng gạch Ceramic kích thước $500 \times 500mm$, riêng phòng vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước $250 \times 250mm$.

- Thay lan can con tiện hành lang và cầu thang bằng sắt hộp, cải tạo mặt đứng và sảnh trước nhà.

- Tường, trần, dầm, cột cạo bỏ lớp vôi ve bả Matit lăn sơn 03 nước theo quy phạm.

- Phá dỡ mái Pro ximăng và xà gỗ hiện trạng, cải tạo lắp dựng xà gỗ thép lợp mái tôn chống nóng.

- Sửa, sơn lại toàn bộ cửa đi và cửa sổ (cả hoa sắt cửa sổ).

- Cải tạo lại khu vệ sinh chung và vệ sinh phòng Hạt trưởng.

- Làm mới hệ thống cấp điện, thay mới thiết bị điện trong nhà.

5.2. *Hạng mục:* Nhà làm việc 01 tầng

a) *Quy mô hiện trạng trạng công trình:* Công trình quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng $135,2m^2$. Tổng chiều cao công trình là 4,9m, trong đó: Chiều cao tầng 01 là 3,6m; chiều cao mái là 0,9m; cos nền tầng 01 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,4m. Mặt bằng bố trí 05 phòng, giao thông ngang nhà bằng hành lang phía trước nhà rộng 1,8m. Tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng;

tường trong, ngoài nhà quét vôi ve. Nền lát gạch hoa. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ. Mái xây tường thu hồi đỡ xà gồ lợp tôn liên doanh chống nóng.

b) Chất lượng hiện trạng công trình: Nền và sàn nhà lát gạch hoa đã cũ; mặt tường trong và ngoài nhà quét vôi ve đã bạc; hệ thống điện đã xuống cấp không đảm bảo tiếp tục sử dụng; phần mái và senô bị thấm nước; phần cửa đi và cửa sổ đã cũ và bạc màu.

c) Giải pháp cải tạo: Lát lại toàn bộ nhà bằng gạch Ceramic kích thước 500x500mm; tường, trần, dầm, cột cạo bỏ lớp vôi ve bả Matit lăn sơn 03 nước theo quy phạm; sửa, sơn lại toàn bộ cửa đi và cửa sổ (cả hoa sắt cửa sổ); quét chống thấm mái tại vị trí không có mái tôn và senô mái; làm mới hệ thống cấp điện, thay mới thiết bị điện trong nhà.

5.3. Hạng mục: Nhà bếp + ăn

a) Quy mô hiện trạng công trình: Công trình quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 124,9m². Tổng chiều cao công trình là 4,0m, trong đó: Chiều cao tầng 01 là 3,0m; chiều cao mái là 0,6m; cos nền tầng 01 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,4m. Mặt bằng bố trí 01 phòng ăn, 01 phòng bếp, 01 phòng kho, 01 phòng vệ sinh chung. Tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng. Tường trong, ngoài nhà quét vôi ve. Nền lát gạch hoa. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ. Mái chống nóng bằng gạch cầu.

b) Chất lượng hiện trạng công trình: Nền và sàn nhà lát gạch hoa đã cũ; mặt tường trong và ngoài nhà quét vôi ve đã bạc; phần mái và senô bị thấm nước; phần cửa đi và cửa sổ đã cũ và bạc màu.

c) Giải pháp cải tạo: Lát lại toàn bộ nhà bằng gạch Ceramic kích thước 500x500mm; lắp đặt mới téc nước 1,5m³; tường, trần, dầm, cột cạo bỏ lớp vôi ve bả Matit lăn sơn 03 nước theo quy phạm; sửa, sơn lại toàn bộ cửa đi và cửa sổ (cả hoa sắt cửa sổ); quét chống thấm mái tại vị trí không có mái tôn và senô mái.

5.4. Hạng mục: Cải tạo nhà xe ô tô

a) Quy mô hiện trạng công trình: Công trình quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 107,2m². Tổng chiều cao công trình là 4,65m, trong đó: Chiều cao tầng 01 là 3,3m; chiều cao mái là 1,2m; cos nền tầng 01 (cos 0,00) cao hơn cos sân hoàn thiện 0,15m. Mặt bằng bố trí để xe ô tô. Tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng. Tường trong, ngoài nhà quét vôi ve. Hệ thống cửa đi sử dụng cửa khung sắt hộp và cửa sắt xếp. Mái là hệ xà gồ lợp máng Pro xi măng.

b) Chất lượng hiện trạng công trình: Phần mái Pro xi măng đã hỏng; phần cửa đi đã cũ và bạc màu; mặt tường trong và ngoài nhà quét vôi ve đã bạc.

c) Giải pháp cải tạo: Phá dỡ toàn bộ phần xà gồ mái Pro xi măng hiện trạng, thay thế bằng hệ xà gồ thép lợp mái tôn; quét vôi ve lại toàn bộ nhà màu vàng kem; sơn lại toàn bộ cửa đi.

5.5. Hạng mục: Xây mới cổng tường rào

a) Hiện trạng công trình: Hàng rào hiện có xuống cấp; đã có hiện tượng nghiêng đổ, bong tróc, nứt nhiều. Phần cuối khu đất và một số phần hàng rào

đang ngăn cách bằng vật liệu tạm; chiều cao hàng rào hiện có là quá thấp, không đảm bảo an toàn sử dụng.

b) Giải pháp xây mới:

- Cổng chính rộng 8,6m gồm: 03 trụ cổng kích thước 500x500mm cao 2,95m xây gạch không nung, vữa xây xi măng mác 50#, trát tường vữa xi măng mác 75#; 01 cánh cổng bằng sắt hộp rộng 5,5m mở trượt bằng điện; 01 cánh cổng rộng 1,8m bằng sắt hộp mở quay 02 cánh. Cổng phụ rộng 5,0m gồm: 02 trụ cổng kích thước 500x500mm cao 2,95m xây gạch không nung, vữa xây xi măng mác 50#, trát tường vữa xi măng mác 75#; 01 cánh cổng bằng sắt hộp rộng 4,0m mở quay.

- Tường rào mặt chính cổng là tường rào hoa sắt cao 2,15m bằng thép vuông liên kết với các trụ gạch bằng bắt sắt, toàn bộ hoa sắt sơn chống gỉ. Tường rào các mặt còn lại xây kín cao 2,1m, xây gạch không nung, vữa xây xi măng mác 50#, trát tường vữa xi măng mác 75#.

- Móng trụ cổng xây bằng gạch tiêu chuẩn sâu 1,0m so với cos sân hoàn thiện, vữa xây xi măng mác 50. Lót móng bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100mm. Lõi trụ cổng bố trí thanh thép hình H160x100mm.

- Móng tường rào xây đá hộc đặt sâu 1,1m so với cos sân hoàn thiện, vữa xây xi măng mác 50#. Lót móng bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100mm. Giằng móng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200# có tiết diện 220x200mm.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 5781/SXD-QLN ngày 18/10/2017)

6. Tổng dự toán xây dựng công trình (làm tròn): 1.625.852.000 đồng
(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

- | | | |
|--------------------------|---------------|------|
| - Chi phí xây dựng: | 1.218.370.000 | đồng |
| - Chi phí QLDA: | 36.351.730 | đồng |
| - Chi phí tư vấn ĐTXDCT: | 152.845.730 | đồng |
| - Chi phí khác: | 70.479.761 | đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 147.804.722 | đồng |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7. Nguồn vốn: Trích từ nguồn thu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đã nộp vào Ngân sách tỉnh hàng năm.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Chi cục Kiểm lâm căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn,

kiểm tra, đôn đốc Chi cục Kiểm lâm thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

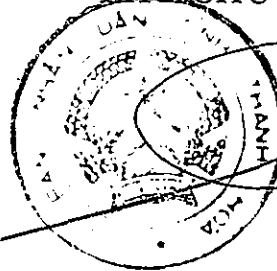
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.
(MC103.10.17)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số. 4469/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.107.609.091	110.760.909	1.218.370.000	Gxd
1	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng, nhà làm việc 1 tầng	590.416.364	59.041.636	649.458.000	
2	Cải tạo nhà bếp + ăn, cải tạo gara xe, xây mới cổng tường rào	517.192.727	51.719.273	568.912.000	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	36.351.730		36.351.730	Gqlđ
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	138.950.664	13.895.066	152.845.730	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình	13.963.623	1.396.362	15.359.986	
2	Chi phí lập BC KTKT	70.920.210	7.092.021	78.012.231	
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	2.857.631	285.763	3.143.395	
4	Chi phí thẩm tra dự toán	2.769.023	276.902	3.045.925	
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp	4.784.871	478.487	5.263.358	
6	Chi phí giám sát thi công XD	36.384.959	3.638.496	40.023.455	
7	Chi phí báo cáo giám sát ĐGDĐT	7.270.346	727.035	7.997.381	
IV	CHI PHÍ KHÁC	66.514.520	3.965.241	70.479.761	Gk
1	Chi phí hạng mục chung	38.766.318	3.876.632	42.642.950	
2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	308.912	-	308.912	
3	Chi phí bảo hiểm công trình (tạm tính)	886.087	88.609	974.696	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	15.445.594		15.445.594	
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	1.107.609		1.107.609	
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	10.000.000		10.000.000	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	147.804.722	-	147.804.722	GDP
1	Chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng	73.902.361		73.902.361	
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá (tạm tính)	73.902.361		73.902.361	
TỔNG CỘNG		1.497.230.727	128.621.216	1.625.851.943	Gxdct
LÀM TRÒN				1.625.852.000	

(Bảng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn)